

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2022/DS-PT
Ngày: 21-6-2022
V/v tranh chấp yêu cầu mở lối đi
qua bất động sản liền kề

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Thu
2. Ông Trần Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Kim Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 128/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970.

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: Số 140A, Lô 4, Khu phố T, Phường 5, thành phố T, tỉnh Long An. (Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 28/3/2022).

- Bị đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 20/8/2020).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1972.

2. Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã M, huyện C, Long An.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ.

(Ông T, bà Thu và bà L có mặt;

Bà K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ngày 02/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Ông Phạm Văn C có đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSD đất) đối với thửa đất số 1199 và 3611 tọa lạc tại Ấp K, xã M, huyện C. Nguồn gốc thửa đất số 1199 và 3611 là của cha, mẹ ông C để lại, khi ông C làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và được cấp giấy CNQSD đất không có các hộ liên kề ký giáp ranh. Giữa thửa đất số 1199 và 3611 có lối đi công cộng cho người dân địa phương đi lại từ thời trước năm 1975, chiều ngang không đều do là bờ đất có đoạn khoảng 1,7m, có đoạn khoảng 1,2m.

Thời gian vào năm 2020 ông C đã rào chắn lối đi này lại bằng trụ bê tông đúc sẵn và lưới kẽm B 40.

Nay ông Ba đại diện cho ông Đ, yêu cầu ông C phải tháo dỡ hàng rào và trả lại lối đi có vị trí và diện tích theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 294-2021 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt vào ngày 23/3/2021, cụ thể: diện tích 42 m² (chiều ngang giáp đường Lương Văn Bào dài 1,7 m, chiều ngang giáp lối đi công cộng hiện hữu dài 1,2 m, chiều dài lối đi là 28,9 m) thuộc một phần thửa đất số 3611. Đồng thời yêu cầu hủy một phần giấy CNQSD đất đối với diện tích 42 m² nêu trên. Hiện nay gia đình ông Đ đang sử dụng lối đi phía sau 02 thửa đất của ông C để ra đường đi công cộng.

**Bà Phạm Thị Lệ T là người đại diện hợp pháp của bị đơn – ông Phạm Văn C trình bày:*

Thửa đất số 1199 và thửa đất số 3611, tờ bản đồ số 03, đều loại đất lúa, đứng tên ông Phạm Văn C, được UBND huyện Cần Giuộc cấp giấy CNQSD đất ngày 01/02/2012, có nguồn gốc từ của ông, bà để lại cho cha ông C là ông Phạm Văn N quản lý, sử dụng. Sau khi ông Nhó chết để lại cho mẹ ông C là bà Nguyễn Thị X tiếp tục sử

dụng, rồi bà X cho lại ông C tiếp tục sử dụng cho đến hiện nay. Ranh giới giữa 02 thửa đất có bờ đất phân thửa rộng ngang khoảng 0,5m, dài hết 02 thửa đất, để cho bà con hàng xóm, cũng như gia đình ông Đ làm lối đi. Tuy nhiên, lối đi giữa thửa đất số 1199 và 3611 vẫn thuộc quyền sử dụng của ông C, bà L. Năm 2013, ông C, bà L có hiến đất mở đường công cộng Lương Văn Bào hiện nay, trước thửa đất số 1199 và 3611 cho người dân đi lại, nên lối đi giữa thửa đất số 1199 và 3611 bà con hàng xóm không còn ai sử dụng, mà chỉ còn gia đình ông Đ ở phía trong đi ra đường Lương Văn Bào cho gần.

Do ông Đ đã có lối đi ra đường Lương Văn Bào, nên trước yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà Thu đại diện cho ông C không đồng ý.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Thu K trình bày:*

Bà K là vợ của ông Nguyễn Văn Đ. Qua lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện cho ông Đ, bà K thống nhất và không có bổ sung gì thêm.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Mỹ L trình bày:*

Bà L là vợ của ông Phạm Văn C. Qua lời trình bày của bà Phạm Thị Lệ T là người đại diện cho ông C, bà L thống nhất và không có bổ sung gì thêm.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 17/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đã căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các Điều 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu K.

Về việc yêu cầu ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị Mỹ L phải tháo dỡ hàng rào và trả lại lối đi có vị trí và diện tích theo Mạnh trích đo bản đồ địa chính số 294-2021 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt vào ngày 23/3/2021 là 42 m² thuộc một phần thửa đất số 3611, tờ bản đồ số 3, loại đất lúa do ông Phạm Văn C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng số BI 452881, ngày 01/02/2012 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp cho ông Phạm Văn C đối với diện tích 42m², thuộc một phần thửa đất số 3611.

Đất tọa lạc tại Ấp K, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

3. Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 15.750.000 đồng (đã nộp xong).

4. Về án phí: buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu K phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp tại biên lai thu số 0002393, ngày 12/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc sang án phí. Hoàn trả lại ông Đ 2.200.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 30/3/2020, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Ông Đ yêu cầu ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị Mỹ L phải tháo dỡ hàng rào và trả lại lối đi có diện tích 42m², loại đất Lúa, thuộc một phần thửa đất số 3611, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã Phước Kế, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Ngoài ra, ông Đ còn yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp cho ông C ngày 01/02/2012 đối với một phần thửa đất số 3611, diện tích 42m².

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

+ Ông Đ vẫn giữ yêu cầu là buộc ông C phải tháo dỡ hàng rào và trả lại lối đi có diện tích 42m² thuộc một phần của thửa đất số 3611; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C đứng tên đối với phần diện tích 42 m² nói trên (có vị trí và diện tích theo Mạnh trích đo bản đồ địa chính số 294-2021 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt vào ngày 23/3/2021). Vì ông Ba (đại diện ông Đ – nguyên đơn), bà K (người liên quan) cho rằng đây là lối đi công cộng để các hộ dân trong khu vực được sử dụng lối đi ngắn nhất ra đường Lương Văn Bào.

+ Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn tại đơn khởi kiện lẽ ra Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “yêu cầu mở lối

đi” thì phù hợp hơn là “tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do xác định tranh chấp không đúng nên Tòa sơ thẩm đã không đưa UBND xã Mỹ Lộc tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ đó để lấy ý kiến của UBND đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Đ để làm cơ sở chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của ông Đ là giải quyết chưa đảm bảo về mặt thủ tục tố tụng.

+ Về nội dung:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Công văn số 2514/UBND-NC ngày 23/9/2019 xác định giữa hai thửa đất số 1199 và 3611 có thể hiện lối đi. Lời khai của ông Nguyễn Văn Liêm, sinh năm 1962; bà Võ Thị Thanh Thủy, sinh năm 1970, cũng xác định trước đây giữa hai thửa đất này có lối đi. Nhưng có phải là lối đi công cộng hay không thì cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Cũng vì lý do cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp không chính xác nên cho rằng không cần thiết đưa UBND vào tham gia tố tụng, từ đó, giải quyết không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không đảm bảo.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp:

Xét trong đơn khởi kiện, ông Đ yêu cầu xác định phần đất có diện tích 42m², loại đất Lúa, thuộc một phần thửa đất số 3611, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An là lối đi công cộng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Trong khi đó, theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 294-2021 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 23/3/2021 thì phần đất có diện tích 42m² (Khu A1), thuộc một phần thửa đất số 3611, chứ không phải là lối đi công cộng như phía ông Đ trình bày. Thửa số 3611 hiện do ông Phạm Văn C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Cần Giuộc cấp ngày 01/02/2012.

Do phần đất có diện tích $42m^2$ (Khu A1), thuộc một phần thửa đất số 3611 hiện do ông Phạm Văn C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông Đ yêu cầu mở lối đi này nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề theo quy định tại Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp quyền sử dụng đất là không đúng nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm như nhận định trên.

[2.2] Về việc ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo yêu cầu ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị Mỹ L mở lối đi có diện tích $42m^2$, loại đất Lúa, thuộc một phần thửa đất số 3611, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Hữu T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày 02 thửa đất số 1025 và 1026 thuộc quyền sử dụng của ông Đ và hiện do ông Đ trực tiếp quản lý, sử dụng hai thửa đất này. Nhà ông Đ hiện tọa lạc trên thửa số 1026, để đi từ nhà ông Đ ra đường Lương Văn Bào, ông Đ đi qua thửa số 1025 rồi đi qua lối đi có diện tích $42m^2$ thuộc một phần thửa số 3611 đang tranh chấp.

Xét tại Văn bản số 2514/UBND-NC ngày 23/9/2019, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc xác định qua đối chiếu bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 có thể hiện lối đi giữa hai thửa số 368 và 379 (tương đương với hai thửa số 1199 và 3611, tỷ lệ 1/5000). Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 294-2021 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 23/3/2021 thì phần đất có diện tích $42m^2$ (Khu A1), thuộc một phần thửa đất số 3611 chứ không phải là lối đi công cộng như phía ông Đ trình bày. Ngoài ra, lối đi có diện tích $42m^2$ đang tranh chấp nói trên không phải là lối đi duy nhất, bởi lẽ từ nhà ông Đ tọa lạc trên thửa số 1026, để đi từ nhà ông Đ ra đường Lương Văn Bào thì ông Đ phải đi qua thửa số 1025 cũng thuộc quyền sử dụng của ông Đ, phần cuối thửa số 1025 lại giáp với lối đi công cộng rộng 1,5m (đá xanh).

Do đó, việc ông Đ kháng cáo yêu cầu ông C và bà L mở lối đi có diện tích $42m^2$, thuộc một phần thửa đất số 3611 là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[2.3] Về việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp cho ông Phạm Văn C ngày 01/02/2012 đối với $42m^2$ đất thuộc một phần thửa số 3611:

Xét trong đơn khởi kiện ngày 02/01/2020, ông Đ không có yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Cần Giuộc cấp cho ông C ngày 01/02/2012 đối với $42m^2$ đất, thuộc một phần thửa đất số 3611. Ông Đ cũng không có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với $42m^2$ đất nói trên. Ông Đ chỉ trình bày yêu cầu này

trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là vượt quá yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Ngoài ra, do Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp nên trường hợp trong đơn khởi kiện, ông Đ có yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 42m² đất nói trên và Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết yêu cầu này thì cũng không đúng. Bởi lẽ, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu ông C và bà L mở lối đi có diện tích 42m² đất nói trên và buộc phía ông Đ đền bù giá trị quyền sử dụng đất thì tuyên hạn chế quyền sử dụng đất của ông C và bà L đối với 42m² đất, thuộc một phần thửa đất số 3611 nói trên, chứ không tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích 42m² đất, thuộc một phần thửa đất số 3611 này vẫn thuộc quyền sử dụng của ông C.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp cho ông Phạm Văn C ngày 01/02/2012 đối với 42m² đất thuộc một phần thửa số 3611 là không đúng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm về vấn đề này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét trong phần “Nhận định của Tòa án”, Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định buộc ông Đ và bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, trong phần “Quyết định”, Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập đến Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nói trên là thiếu sót nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bổ sung vấn đề này.

[4] Từ nhận định ở các đoạn [2] và [3], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Việc Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu K phải liên đới chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng (gồm chi phí đo đạc, thẩm định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ): Tổng cộng là 15.750.000 đồng và phía nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng này. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng theo quy định tại các Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên phía nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí này. Do đó, buộc ông Đ phải chịu 15.750.000 đồng tiền chi phí tố tụng và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ.
- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu K về việc yêu cầu ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị Mỹ L mở lối đi có diện tích 42m², loại đất Lúa, thuộc một phần thửa đất số 3611, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

(Khu A1 theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 294-2021 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 23/3/2021).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 15.750.000 đồng (*Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu K có nghĩa vụ liên đới nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002393 ngày 12/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Cần Giuộc nên hoàn trả cho ông Đ 2.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm còn thừa.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0013258 ngày 30/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc. Ông Đ đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tuấn

